

Bản án số: 26/2017/HSST
Ngày 16 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**-----
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ánh Dương

*** *Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trần Văn Thiện.

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

*** *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Oanh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

*** *Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thu Hà – Kiểm sát viên .

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2017/HSST, ngày 12 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

*** *Họ và tên:*** *Nguyễn Thị N, sinh năm 1964;*

- Tên gọi khác: Không;

- Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không ;

- Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 7/10;

- Con ông: Nguyễn Bá V (đã chết);

- Con bà: Dương Thị M, sinh năm 1934

- Chồng: Đỗ Văn T, sinh năm 1959 (đã ly hôn).

- Bị cáo có 01 con sinh năm 1992 (đã chết);

- Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 3;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1990 (Vắng mặt tại phiên toà)

TQ: thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Thị N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 18/4/2017, Nguyễn Thị N - sinh năm 1964, trú tại thôn 2, xã Q, huyện T, tỉnh Bắc Giang đang ở cửa hàng của gia đình ở thôn 2, xã Q, huyện T thì có chị Hà Thị T- sinh năm 1971 (ở cùng thôn và ở gần với gia đình N) nhờ N sang trông cửa hàng (bán cháo dinh dưỡng) hộ chị T để chị T đi chợ, N đồng ý nên đã sang trông cửa hàng hộ chị T. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, khi N đang trông cửa hàng hộ chị T thì có Nguyễn Văn T- sinh năm 1990 ở thôn C, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang và Trần Văn N- sinh năm 1988 ở thôn Y, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đến uống nước. Qua nói chuyện, biết N có ma túy bán nên T bảo N "Bán cho em hai trăm nước", N hiểu ý T muốn mua của N 200.000 đồng ma túy tổng hợp dạng đá nên N lấy từ trong túi phía trước bên phải quần N đang mặc ra 01 gói giấy vệ sinh màu trắng bên trong đựng 02 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu xanh, bên trong 02 túi nilon này đựng ma túy tổng hợp dạng đá (các hạt tinh thể màu trắng) đưa cho T. T cầm gói ma túy N đưa cho đút vào bên trong túi phía trước bên phải quần T đang mặc rồi đưa cho N 01 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng. Khi N vừa cầm 200.000 đồng T đưa cho thì bị lực lượng Công an tỉnh Bắc Giang và Công an huyện T phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm có:

- 02 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa có viền màu xanh bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng được gói trong tờ giấy vệ sinh màu trắng (thu giữ tại túi phía trước bên phải chiếc quần T đang mặc), được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "QT".

- 01 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mệnh giá 200.000 đồng (thu tại tay phải của N).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia màu đen trắng, đã qua sử dụng, có số seri 359315047811947.

(BL: 25 - 28, 36 - 47, 54 - 58, 66 - 81)

Tại Kết luận giám định số 573/KL-PC54 ngày 19/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

"Trong 01 (một) phong bì niêm phong vật chứng có ký hiệu "QT" đã được niêm phong gửi giám định:

Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) túi nilon màu trắng một đầu của mỗi túi có rãnh khóa bằng nhựa và viền màu xanh, được gói bên ngoài bằng giấy màu

trắng (loại giấy vệ sinh) đều là **chất ma túy Methamphetamine**, có **tổng trọng lượng: 0,082 gam.**" (BL: 24)

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị N thừa nhận về việc N đã bán ma túy cho Nguyễn Văn T như đã nêu trên. Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ N khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 17/4/2017, khi N đang bán hàng tại cửa hàng của mình thì có một người thanh niên (N không biết tên, tuổi, địa chỉ) đến hỏi mua 02 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại di động mỗi chiếc có mệnh giá 100.000 đồng (02 chiếc thẻ nạp tiền điện thoại di động này N mua với giá 190.000 đồng để bán ra với giá 200.000 đồng), N đồng ý rồi lấy 02 chiếc thẻ điện thoại đưa cho người thanh niên. Do người thanh niên này không có tiền để trả tiền mua thẻ điện thoại nên đã đưa cho N 01 gói giấy vệ sinh màu trắng bên trong đựng 02 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu xanh, bên trong 02 túi nilon này đựng các hạt tinh thể màu trắng và nói: "Cho cháu gửi hai gói này, tí cháu quay lại trả tiền". Do người thanh niên đó đã nhiều lần đến quán của N mua thẻ điện thoại và biết các hạt tinh thể màu trắng đựng bên trong 02 gói nilon và được gói bên ngoài bằng giấy vệ sinh màu trắng là ma túy tổng hợp dạng đá nên N đồng ý rồi cầm gói giấy vệ sinh người thanh niên đưa cho đút vào túi phía trước bên phải quần N đang mặc. Sau đó không thấy người thanh niên quay lại trả tiền nên N vẫn để 02 gói ma túy trong túi quần của mình. Khoảng 10 giờ ngày 18/4/2017, khi N đang trông cửa hàng hộ chị T thì T đến hỏi mua ma túy nên N đã bán 02 gói ma túy này cho T với giá 200.000 đồng. (BL: 72 - 81)

Đối với người thanh niên đã đưa ma túy cho N vào tối ngày 17/4/2017, do N không biết tên, tuổi và địa chỉ của người này nên không có căn cứ để làm rõ. Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn T đã có hành vi mua ma túy của Nguyễn Thị N, nhưng T mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, số lượng ma túy T tàng trữ không đủ trọng lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 30/6/2017 Trưởng Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng đối với Nguyễn Văn T về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đối với anh Trần Văn N là người đi cùng Nguyễn Văn T đến nhà của Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, anh N không biết việc T đến nhà của N để mua ma túy, anh N không tham gia vào việc mua bán ma túy, do vậy anh N không vi phạm pháp luật.

Đối với số tiền 200.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang là tiền N bán ma túy cho T có được.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen trắng thu giữ của N khi bắt quả tang là tài sản của N dùng để liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị N đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 29/KSĐT, ngày 11/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Nguyễn Thị N về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 - Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị N đã khai nhận rõ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

* Đại diện VKSND huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

* Áp dụng khoản 1 khoản 5 Điều 194; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33- Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/4/2017. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị N 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

* Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 41 của BLHS; điểm a điểm c khoản 2 Điều 76 - Bộ luật Tố tụng Hình sự :

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì thư được niêm phong ký hiệu “QT” bên trong đựng 0,062 gam chất ma túy Methamphetamine.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị N 200.000 đồng là tiền do bán ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia màu đen trắng, đã qua sử dụng, có số seri 359315047811947, là tài sản không liên quan việc phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định .

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

XÉT THẤY

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận hành vi: Khoảng 10 giờ ngày 18/4/2017, khi N đang trông cửa hàng hộ chị Hà Thị T tại thôn 2, xã Q, huyện T thì Nguyễn Văn T và Trần Văn N đến uống nước. Qua nói chuyện, biết N có ma túy bán nên T bảo N "Bán cho em hai trăm nước", N hiểu ý T muốn mua của N 200.000 đồng ma túy tổng hợp dạng đá nên N lấy từ trong túi phía trước bên phải quần N đang mặc ra 01 gói giấy vệ sinh màu trắng bên trong đựng 02 túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu xanh, bên trong 02 túi nilon này đựng ma túy tổng hợp dạng đá (các hạt tinh thể màu trắng) đưa cho T. T cầm gói ma túy N đưa cho đút vào bên trong túi phía trước bên phải quần T đang mặc rồi đưa cho N 200.000 đồng thì bị Công an huyện T lập biên bản bắt quả tang và thu giữ ma túy.

Lời khai của bị cáo phù hợp với: Biên bản phạm tội quả tang, bản tường trình, bản kiểm điểm và lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, cùng tang vật chứng là 0,082 gam ma túy Methamphetamine thu giữ được và kết quả giám định vật chứng. Có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 01 Điều 194 của BLHS. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng, xâm phạm sự độc quyền quản lý các chất gây nghiện của nhà nước. Vi phạm nghiêm trọng luật phòng chống ma túy. Ma túy là hiểm họa cho đời sống cộng đồng, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và là nguy cơ lây truyền các bệnh xã hội nguy hiểm như HIV, AIDS. Pháp luật đã nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy. Bị cáo đã tiếp tay cho việc tiêu thụ ma túy. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo cho việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù với thời hạn nhất định để bị cáo có điều kiện tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội như phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Không có.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Theo quy định của BLHS 1999 thì tình tiết giảm nhẹ: Mẹ đẻ bị cáo là bà Dương Thị M được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì thì áp dụng theo quy định của khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 nhưng tình tiết giảm nhẹ này thì được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 vì có công với cách mạng. Áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo N được quy định tại khoản 3, Điều 7 BLHS 2015; Điều 1 của Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc Hội; khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội; Công văn số 301/TANDTC ngày 07/10/2016 của TANDTC và Công văn số 327/TANDTC ngày 07/11/2016 của TANDTC về việc hướng dẫn áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS 2015.

Nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999; Khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội; khoản 3, Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 đối với bị cáo N.

Cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 194 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị N để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với vật chứng cần xử lý như sau: Áp dụng: điểm b Khoản 1 Điều 41 của BLHS; điểm a điểm c khoản 2 Điều 76 - Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư được niêm phong ký hiệu “QT” bên trong đựng 0,062 gam chất ma túy Methamphetamine.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị N 200.000 đồng là tiền do bán ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước (theo giấy chuyển khoản, chuyển tiền điện tử vào tài khoản số 3949.0.1052653 tại Kho bạc Nhà nước huyện Tân Yên ngày 12/7/2017).

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia màu đen trắng, đã qua sử dụng, có số seri 359315047811947, là tài sản không liên quan việc phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với người thanh niên đã đưa ma túy cho N vào tối ngày 17/4/2017, do N không biết tên, tuổi và địa chỉ của người này nên không có căn cứ để làm rõ. Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn T đã có hành vi mua ma túy của Nguyễn Thị N, nhưng T mua ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, số lượng ma túy T tàng trữ không đủ trọng lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 30/6/2017 Trưởng Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng đối với Nguyễn Văn T về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng.

Đối với anh Trần Văn N là người đi cùng Nguyễn Văn T đến nhà của Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, anh N không biết việc T đến nhà của N để mua ma túy, anh N không tham gia vào việc mua bán ma túy, do vậy anh N không vi phạm pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng khoản 1 khoản 5 Điều 194; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33- Bộ luật Hình sự. Khoản 4 Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội; khoản 3, Điều 7; điểm x, khoản 1, Điều 51 BLHS 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/4/2017. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị N 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

3. Áp dụng: điểm b Khoản 1 Điều 41 của BLHS; điểm a điểm c khoản 2 Điều 76 - Bộ luật Tố tụng Hình sự :

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì thư được niêm phong ký hiệu “QT” bên trong đựng 0,062 gam chất ma túy Methamphetamine.

- Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị N 200.000 đồng là tiền do bán ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu nokia màu đen trắng, đã qua sử dụng, có số seri 359315047811947, là tài sản không liên quan việc phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng theo lệnh xuất kho vật chứng số: 20/LXK, ngày 11/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T).

4. Áp dụng Điều 99; Điều 231; Điều 234 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí HSST .

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hs, Vp.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa